

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

VŨ THỊ KHÁNH

**GIAO DỊCH DÂN SỰ VÔ HIỆU DO LỪA DỐI
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

Chuyên ngành : Luật Dân Sự
Mã số : 60 38 30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Cán bộ hướng dẫn khoa học: PGS.TS Phùng Trung Tập

Hà Nội - 2014

MỤC LỤC

Lời cam đoan	
Mục lục	
Danh mục các chữ viết tắt	
Danh mục các bảng	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ GIAO DỊCH DÂN SỰ VÔ HIỆU DO LỪA DỐI VÀ HẬU QUẢ PHÁP LÝ CỦA GIAO DỊCH DÂN SỰ VÔ HIỆU DO LỪA DỐI	8
1.1. Khái niệm về giao dịch dân sự và giao dịch dân sự vô hiệu	8
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm pháp lý của giao dịch dân sự.....	8
1.1.1.1. Khái niệm về giao dịch dân sự	8
1.1.1.2. Đặc điểm của giao dịch dân sự.....	14
1.1.2. Khái niệm, đặc điểm pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu	18
1.1.2.1. Khái niệm giao dịch dân sự vô hiệu.....	18
1.1.2.2. Đặc điểm của giao dịch dân sự vô hiệu	21
1.2. Khái niệm về giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối.....	30
1.2.1 Khái niệm lừa dối.....	30
1.2.2 Khái niệm giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối.....	31
1.2.3. Đặc điểm của giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối	31
1.2.4 Quy định về giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối trong pháp luật dân sự Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.....	34
1.2.4.1. Giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối dưới thời nhà Lê và nhà Nguyễn	34
1.2.4.2. Giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối dưới thời Pháp thuộc	35
1.2.5. Quy định về giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối trong pháp luật một số nước trên thế giới.....	39
1.3. Hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối	44
Chương 2: GIAO DỊCH DÂN SỰ VÔ HIỆU DO LỪA DỐI THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG	54

2.1. Thực trạng giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam	54
2.2. Hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối	59
2.3. Thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối.....	63
2.4. Vấn đề bảo vệ quyền lợi của người thứ ba ngay tình khi giao dịch dân sự bị tuyên bố là vô hiệu	64
2.4.1. Nhận thức chung về người thứ ba ngay tình khi giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối.....	64
2.4.2. Điều kiện để xác định người thứ ba ngay tình khi giao dịch dân sự vô hiệu	65
2.4.3. Giải quyết hậu quả pháp lý giao dịch vô hiệu do lừa dối, khi có người thứ ba ngay tình cần được bảo vệ	66
2.5. Thực tiễn áp dụng pháp luật đối với giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối tại TAND	68
 Chương 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIAO DỊCH DÂN SỰ VÔ HIỆU DO LỪA DỐI.....	
3.1. Yêu cầu xây dựng và hoàn thiện pháp luật giao dịch dân sự vô hiệu nói chung và giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối nói riêng là một tất yếu khách quan, sự đòi hỏi của thực tiễn	87
3.2. Những kiến nghị và giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối.....	89
KẾT LUẬN	97
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	99

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Mục đích của pháp luật khởi nguồn chính từ những nhu cầu thường ngày của mỗi con người, là công cụ phục vụ, bảo vệ lợi ích mọi thành viên trong xã hội của Nhà nước. Nảy sinh từ nhu cầu sản xuất, nhu cầu kinh doanh cũng như các nhu cầu khác, Nhà nước thấy cần thiết phải có những phương tiện pháp lý nhằm đáp ứng những nhu cầu ngày càng tăng đó của con người. Giao dịch dân sự chính là một trong những phương tiện pháp lý quan trọng nhất trong giao lưu dân sự, trong việc chuyển dịch tài sản và cung ứng dịch vụ, nghĩa là giao dịch dân sự tạo điều kiện cho các chủ thể tham gia vào đời sống pháp lý nhằm đáp ứng những nhu cầu, đòi hỏi phục vụ cho những mục đích nhất định từ cuộc sống con người. Trong điều kiện nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của đời sống kinh tế - xã hội, giao dịch dân sự càng có ý nghĩa quan trọng.

Xuất phát từ tầm quan trọng cũng như ý nghĩa thiết thực của giao dịch dân sự, BLDS nước ta đã quy định cụ thể, chi tiết và tương đối hoàn thiện về việc xác lập, thực hiện cũng như các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự nói chung và từng loại giao dịch dân sự cụ thể. Việc này đã tạo một hành lang pháp lý thông thoáng và an toàn cho các chủ thể khi tham gia giao dịch dân sự, tạo sự ổn định của các quan hệ tài sản trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, hiện nay các quy định về giao dịch dân sự vô hiệu vẫn còn nhiều vướng mắc. Các quy định có phần còn cứng nhắc, chưa đầy đủ, có quy định còn chồng chéo, gây nên cách hiểu không thống nhất.

Về phía các cơ quan nhà nước, do tính phức tạp của các giao dịch dân sự, những quy định không rõ ràng của pháp luật đã tạo cho họ rất nhiều khó khăn, lúng túng trong công tác xét xử có liên quan tới giao dịch dân sự vô hiệu. Nói cách khác, chính điều đó làm hạn chế năng lực của các cơ quan chức năng trong việc giải quyết các tranh chấp về giao dịch dân sự.

Và trên thực tế, cũng không ít trường hợp giao dịch dân sự bị tuyên bố vô hiệu do một bên giao kết hợp đồng lợi dụng các quy định của pháp luật để "bội ứớc", nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ của mình. Giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối là

một trong những loại giao dịch dân sự vô hiệu do vi phạm ý chí chủ thể gây nhiều tranh cãi và khó khăn trong quá trình áp dụng pháp luật hiện nay.

Với tư cách là một người nghiên cứu pháp luật, chúng tôi thấy rằng cần nghiên cứu một cách nghiêm túc vấn đề giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối để từ đó đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật về vấn đề này. Việc xây dựng các quy định pháp lý về giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối hoàn chỉnh, phù hợp với thực tiễn không những là yêu cầu chính đáng của người dân để họ bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình mà còn là điều kiện để cơ quan nhà nước hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ mà Nhà nước giao.

Xuất phát từ những lý do trên, việc tiến hành nghiên cứu một cách có hệ thống về vấn đề giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối là việc làm hết sức cần thiết. Do đó, tác giả đã lựa chọn đề tài **“Giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối theo pháp luật Việt Nam”** làm đề tài tốt nghiệp cho chương trình đào tạo Cao học Luật của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Chế định giao dịch dân sự vô hiệu đã được nhiều nhà khoa học pháp lý quan tâm trong các thời kỳ dưới những góc độ khác nhau. Đã có nhiều công trình nghiên cứu về giao dịch dân sự vô hiệu, trong đó có đề cập đến giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối như các bài giảng trong giáo trình luật dân sự của Trường Cao đẳng Kiểm sát, Trường Đại học Luật Hà Nội, Khoa Luật Đại học Quốc gia, trong một số ấn phẩm như: Bình luận BLDS của Bộ Tư pháp và trong một số bài viết của một số tác giả ở góc độ hẹp, đó là: TS. Bùi Đăng Hiếu: Giao dịch dân sự vô hiệu tương đối và giao dịch dân sự vô hiệu tuyệt đối. Trong bài viết này tác giả chủ yếu phân tích, so sánh và đưa ra sự khác biệt chung thể hiện bản chất của khái niệm giao dịch dân sự vô hiệu tương đối và vô hiệu tuyệt đối, theo đó, vấn đề giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối được tác giả đề cập dưới hình thức là một giao dịch vô hiệu tương đối. Lừa dối – Yếu tố vô hiệu hợp đồng kinh tế của thạc sỹ Lê Thị Bích Thọ - Trong giới hạn bài viết này tác giả đã lần lượt đề cập đến vấn đề cơ bản về yếu tố lừa dối trong giao kết hợp đồng, Thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về hợp đồng kinh tế vô hiệu do lừa dối ở Việt Nam. “Xử lý hợp đồng vô hiệu theo pháp luật dân sự Việt Nam” năm 2011 của thạc sỹ Nguyễn Thị Thanh - Ở bài viết này tác giả đã phân tích

và lý giải nhằm làm rõ cơ sở lý luận cơ bản về hợp đồng vô hiệu, cách thức xử lý hợp đồng vô hiệu trong pháp luật dân sự Việt Nam. Lược sử quá trình điều chỉnh của pháp luật Việt Nam về hợp đồng vô hiệu qua các thời kỳ và quy định của một số nước trên thế giới về vấn đề này, làm nổi bật sự phát triển của các quy định pháp luật dân sự về vấn đề này. Nghiên cứu pháp luật thực định Việt Nam quy định về hợp đồng vô hiệu, hậu quả pháp lý khi tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Nghiên cứu thực tiễn xử lý hợp đồng vô hiệu và đánh giá về hiệu quả của những quy định pháp luật hiện hành thông qua việc áp dụng pháp luật của các cơ quan nhà nước. Đề xuất phương hướng hoàn thiện các quy định pháp luật và các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật. Theo đó, vấn đề hợp đồng vô hiệu do lừa dối được tác giả đề cập dưới hình thức là một trường hợp của hợp đồng vô hiệu.

Và cũng có công trình nghiên cứu cụ thể hơn như luận án tiến sỹ Luật học năm 2005 của tác giả Nguyễn Văn Cường: “Giao dịch dân sự vô hiệu và việc giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu” - ở tác phẩm này tác giả đã nghiên cứu một cách hoàn chỉnh về giao dịch dân sự vô hiệu, làm rõ các căn cứ pháp lý xác định giao dịch dân sự vô hiệu, phân tích thực tiễn giải quyết hậu quả pháp lý khi giao dịch dân sự vô hiệu và đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật, vấn đề giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối được tác giả đề cập dưới hình thức là một trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu với hậu quả pháp lý đặc biệt. Luận văn thạc sỹ Luật học của tác giả Bùi Thị Thu Huyền : “Hợp đồng dân sự vô hiệu do vi phạm ý chí chủ thể” năm 2010 - ở công trình này tác giả chủ yếu nghiên cứu về các trường hợp hợp đồng dân sự vô hiệu do vi phạm ý chí như hợp đồng vô hiệu do giả tạp, do nhầm lẫn, do bị lừa dối, đe dọa... dựa trên các trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu do vi phạm ý chí của chủ thể. Luận văn Thạc sỹ Luật học năm 2008 của tác giả Nguyễn Thị Nhân : “Ý chí của chủ thể trong giao dịch dân sự” chủ yếu nghiên cứu khái niệm ý chí chủ thể, các trường hợp vi phạm ý chí chủ thể trong giao dịch dân sự, nguyên nhân và thực trạng tranh chấp về giao dịch dân sự có vi phạm ý chí, tác giả cũng đề cập đến giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối dưới tính cách là một giao dịch dân sự vô hiệu do vi phạm ý chí của Nhà nước.

Nhìn chung các công trình nghiên cứu trên đây đã nêu và phân tích những vấn đề có tính khái quát nhất về giao dịch dân sự trong Luật Dân sự, đưa ra những điều kiện cơ bản về việc xác định giao dịch dân sự vô hiệu và giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu. Tuy nhiên, tất cả chỉ đề cập đến vấn đề ở dạng khái quát và vấn đề giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối chỉ là một phần nhỏ trong các công trình này. Việc nghiên cứu hoàn chỉnh và cụ thể về giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối chưa được khai thác một cách triệt để.

Bởi vậy tác giả cho rằng việc nghiên cứu một cách cụ thể, có hệ thống chi tiết về giao dịch dân sự do lừa dối theo quy định của BLDS 2005 và các văn bản liên quan là cần thiết và không bị trùng lặp với các công trình khác đã công bố.

3. Mục đích, nhiệm vụ của việc nghiên cứu đề tài

3.1 Mục đích nghiên cứu đề tài

Mục đích của việc nghiên cứu đề tài là tìm ra các luận cứ khoa học và thực tiễn, từ đó đề ra các giải pháp kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Việc nghiên cứu đề tài nhằm góp phần làm sáng tỏ khái niệm, đặc điểm pháp lý chế định giao dịch dân sự vô hiệu nói chung và giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối nói riêng, qua đó làm rõ hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối, đồng thời phân tích thực trạng pháp luật, thực tiễn áp dụng pháp luật về giao dịch dân sự do lừa dối. Ngoài ra, khi nghiên cứu thực trạng, đánh giá hiệu quả điều chỉnh của các quy định pháp luật về giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối và thực tiễn việc giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối, trong luận văn có đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm bảo đảm tính khả thi khi áp dụng trong thực tiễn giải quyết các tranh chấp, khiếu kiện tại TAND làm cho pháp luật về giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối thực sự là một trong những "công cụ pháp lý thúc đẩy giao lưu dân sự, tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước".

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

Để thực hiện mục đích trên, luận văn tập trung làm rõ những vấn đề sau:

+ Phân tích và lý giải nhằm làm rõ cơ sở lý luận cơ bản về giao dịch dân sự, giao dịch dân sự vô hiệu và giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối trong pháp luật dân sự Việt Nam.

+ Lược sử quá trình điều chỉnh của pháp luật Việt Nam về giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối qua các thời kỳ và quy định của một số nước trên thế giới về vấn đề này, làm nổi bật sự phát triển của các quy định pháp luật dân sự về vấn đề này.

+ Nghiên cứu pháp luật thực định Việt Nam quy định về giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối, hậu quả pháp lý khi tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối.

+ Nghiên cứu thực tiễn về giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối và đánh giá về hiệu quả của những quy định pháp luật hiện hành thông qua việc áp dụng pháp luật của các cơ quan nhà nước.

+ Đề xuất phương hướng hoàn thiện các quy định pháp luật và các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật.

4. Phạm vi nghiên cứu đề tài

Tác giả tập trung nghiên cứu lý luận và thực tiễn xét xử về giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối. Vấn đề này được tiếp cận theo chiều sâu và toàn diện trong hệ thống pháp luật dân sự Việt Nam và đặc biệt là quy định của BLDS 2005. Tác giả có sự so sánh với luật nước ngoài về vấn đề nghiên cứu.

5. Phương pháp nghiên cứu

Việc nghiên cứu, đánh giá các vấn đề trong luận văn dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật. Tác giả còn kết hợp các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phân tích, tổng hợp, so sánh, điều tra, khảo sát ... kết hợp giữa lý luận với thực tiễn.

6. Những đóng góp mới của luận văn

Luận văn làm rõ những vấn đề cơ bản của giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối như khái niệm, đặc điểm giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối, thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật tại Tòa án về giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối theo quy định tại BLDS 2005, thông qua đó, đưa ra những kiến nghị và giải pháp nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về vấn đề này.

Những đề xuất, kiến nghị của luận văn góp phần hoàn thiện các quy định pháp luật dân sự về giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối, đặc biệt là trong xu hướng đang sửa đổi, bổ sung một số quy định của BLDS 2005. Kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ góp phần nhỏ vào việc nhận thức sâu sắc về giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài lời mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối và hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối.

Chương 2: Giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối theo quy định của pháp luật Việt Nam và thực tiễn áp dụng

Chương 3: Một số kiến nghị và giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ GIAO DỊCH DÂN SỰ VÔ HIỆU DO LỪA DỐI VÀ HẬU QUẢ PHÁP LÝ CỦA GIAO DỊCH DÂN SỰ VÔ HIỆU DO LỪA DỐI

1.1. Khái niệm về giao dịch dân sự và giao dịch dân sự vô hiệu

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm pháp lý của giao dịch dân sự

Mục này đề cập đến khái niệm về giao dịch dân sự và đặc điểm pháp lý của giao dịch dân sự. Tác giả tập trung làm rõ giao dịch dân sự trong đời sống xã hội, khái niệm giao dịch dân sự được quy định trong Bộ luật Dân sự 2005 và các đặc điểm chung của giao dịch dân sự.

Giao dịch dân sự còn là phương tiện pháp lý quan trọng để cho các công dân thỏa mãn nhu cầu vật chất, tinh thần trong sản xuất kinh doanh cũng như sinh hoạt tiêu dùng. Khái niệm giao dịch dân sự được các nhà khoa học Việt Nam đề cập trong nhiều tài liệu với góc độ khác nhau. Theo đó, “*giao dịch dân sự là hành vi được thực hiện nhằm thu được kết quả nhất định và pháp luật tạo điều kiện cho kết quả trở thành hiện thực*” hay còn được hiểu là “*một sự kiện pháp lý, bao gồm hành vi pháp lý đơn phương hoặc đa phương (hợp đồng) làm phát sinh hậu quả pháp lý*”. Theo từ điển Tiếng Việt giao dịch là có quan hệ gặp gỡ, tiếp xúc nhau. Trong quan hệ dân sự, việc gặp gỡ, tiếp xúc nhau được diễn ra để thể hiện ý chí của các bên trực tiếp và công khai. Cũng có quan điểm cho rằng “*Giao dịch dân sự là hành vi pháp lý hợp pháp biểu hiện ý chí của một hoặc nhiều người nhằm làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự*”. Như vậy, giao dịch dân sự dù được nhìn nhận dưới góc độ nào cũng đều bao gồm hợp đồng dân sự và hành vi pháp lý đơn phương.

Tác giả phân tích đặc điểm của giao dịch dân sự gồm: Phải thể hiện được ý chí của của các bên tham gia giao dịch; Các bên tham gia giao dịch phải tự nguyện; Giao dịch dân sự luôn làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ của chủ thể tham gia giao dịch; Nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu

Mục này đề cập đến khái niệm giao dịch dân sự vô hiệu và các đặc điểm của giao dịch dân sự vô hiệu. Xuất phát từ bản chất của giao dịch dân sự vô hiệu, tác giả đưa ra khái niệm về giao dịch dân sự vô hiệu: “*Giao dịch dân sự vô hiệu là loại giao dịch dân sự mà khi xác lập các bên (hoặc chủ thể có hành vi pháp lý đơn phương) đã có vi phạm ít nhất một trong các điều kiện có hiệu lực do pháp luật quy định dẫn tới hậu quả pháp lý là không làm phát sinh bất kỳ một quyền hay nghĩa vụ dân sự nào thỏa mãn mục đích theo mong muốn của người tham gia giao dịch.*”

Bên cạnh đó, tác giả cũng khái quát các đặc điểm của giao dịch dân sự vô hiệu bao gồm:

+ Giao dịch dân sự vô hiệu là giao dịch luôn vi phạm một trong những điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự. Đó là các điều kiện: điều kiện về năng lực chủ thể, điều kiện về mục đích và nội dung, điều kiện về ý chí chủ thể tham gia, điều kiện về hình thức giao dịch. Các điều kiện này được phân tích dưới góc độ lý luận nhằm làm sáng tỏ tại sao các yếu tố này được xem là điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự.

+ Các bên tham gia giao dịch phải chịu những hậu quả pháp lý nhất định. Một giao dịch bị tuyên bố là vô hiệu thì mọi thỏa thuận giữa các bên không có hiệu lực thi hành. Các bên phải chấm dứt ngay việc thực hiện giao dịch đó, quay lại tình trạng ban đầu, hoàn lại cho nhau những gì đã nhận.

+ Việc quy định giao dịch dân sự vô hiệu thể hiện ý chí của nhà nước trong việc kiểm soát các giao dịch dân sự nhất định nếu thấy cần thiết vì lợi ích của Nhà nước và lợi ích công cộng.

1.2. Khái niệm về giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối

1.2.1. Khái niệm lừa dối

Mục này đề cập đến các khái niệm lừa dối. Lừa dối là hành vi cố ý của một bên làm cho bên kia nhầm lẫn về đối tượng, nội dung của giao dịch mà họ tham gia giao dịch đó, được thể hiện thông qua từ những lời lẽ gian dối hoặc những mảnh khoe, xảo trá, để khiến đối tượng tham gia vào giao dịch mà lẽ ra bình thường họ không tham gia.

1.2.2. Khái niệm giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối

Mục này đề cập đến khái niệm giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối. Theo đó giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối là giao dịch dân sự được xác lập do hành vi cố ý của một bên hoặc của người thứ ba nhằm làm cho bên kia hiểu sai lệch về chủ thể, tính chất đối tượng hoặc nội dung của giao dịch nên đã xác lập giao dịch đó.

1.2.3. Đặc điểm của giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối

Mục này tác giả khái quát các đặc điểm của giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối, bao gồm: Giao dịch dân sự xác lập do lừa dối được xác định là vô hiệu do không đảm bảo được yêu cầu về tính tự nguyện của các bên chủ thể khi tham gia xác lập giao dịch; Mục đích của việc lừa dối là nhằm làm cho bên kia hiểu sai lệch về chủ thể, tính chất của đối tượng hoặc nội dung của giao dịch, dẫn đến những quyết định không đúng, có lợi cho người lừa dối để đạt được mục đích theo ý muốn của mình;

Giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối được xem là giao dịch dân sự vô hiệu tương đối

1.2.4. Quy định về giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối trong pháp luật dân sự Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử

1.2.4.1 Giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối dưới thời nhà Lê và nhà Nguyễn

Mục này đề cập đến các quy định pháp luật về giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối trong cổ luật Việt Nam, được thể hiện trong Quốc triều hình luật thời Lê và Luật Gia Long thời Nguyễn. Tác giả làm rõ nội dung các quy định về lừa dối, giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối. Lúc đầu cổ luật Việt Nam đã lừa dối như một tội phạm hình sự, theo đó những kẻ lừa dối sẽ bị trừng phạt đối với những sự lừa dối mang tính quan trọng. Dần dần lừa dối đã được sử dụng trong lĩnh vực dân sự và xem nó như một trong các yếu tố có thể làm cho hợp đồng vô hiệu. Tuy nhiên, Cổ luật Việt Nam coi quyền yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu chỉ có thể hành xử khi sự lừa dối xuất phát từ người đối ước, chứ không do một người thứ ba.

1.2.4.2. Giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối dưới thời Pháp thuộc

Tác giả đề cập đến các quy định giao dịch dân sự vô hiệu trong pháp luật nước ta kể từ khi thực dân Pháp thiết lập sự cai trị. Các bộ luật trong thời kỳ này gồm có Bộ dân luật giản yếu Nam kỳ (ban hành năm 1883), Bộ dân luật Bắc kỳ (ban hành

năm 1931), Bộ Hoàng Việt Trung kỳ hộ luật (thường gọi là Bộ dân luật Trung kỳ, ban hành năm 1936). Nhìn chung các quy định về giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối có chịu ảnh hưởng trực tiếp của Bộ luật dân sự Pháp năm 1904, nhưng có nhiều quy định được sửa đổi cho phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, phong tục tập quán của Việt Nam.

1.2.4.3. Giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối từ thời kỳ 1945 đến nay

Tác giả phân tích được sự phát triển trong các quy định về giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối nước ta từ năm 1945 đến nay. Đặc biệt, tác giả tập trung phân tích các quy định tại Bộ luật dân sự năm 2005, làm rõ vai trò cũng như hạn chế, vướng mắc áp dụng. Tác giả có sự so sánh với Bộ luật dân sự năm 1995, làm rõ sự khác nhau trong quy định người thứ ba có hành vi lừa dối Đây là điểm tiến bộ đáng ghi nhận vì nó bảo vệ hiệu quả hơn chủ thể của giao dịch dân sự trước hành vi cố ý lừa dối họ xác lập giao dịch dân sự trái với ý muốn đích thực của mình. Như vậy có thể thấy, khác với các quy định của BLDS 2005, các quy định các BLDS Việt Nam dưới các chế độ cũ đã không xác định phạm vi của lừa dối và thu hẹp điều kiện liên quan tới người trong việc xác định lừa dối.

1.2.5. Quy định về giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối trong pháp luật một số nước trên thế giới

Tác giả nghiên cứu pháp luật về giao dịch dân sự của một số nước trên thế giới như Pháp, Đức, Nhật Bản...nhằm làm rõ sự tương đồng cũng như đặc trưng riêng trong các quy định về giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối. Đồng thời tác giả liên hệ tới quy định của pháp luật Việt Nam nhằm làm sáng tỏ sự khác biệt trong quy định của pháp luật. Đồng thời đó cũng là căn cứ để tham khảo trong việc hoàn thiện quy định pháp luật dân sự Việt Nam về giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối.

1.3. Hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối

Tác giả phân tích hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối. Hành vi lừa dối trong giao dịch dân sự thì hậu quả có thể chỉ tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu và giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu nhưng cũng có thể người có hành vi lừa dối vừa phải chịu hậu quả pháp lý do luật dân sự điều chỉnh và vừa phải chịu hậu quả pháp lý do luật hình sự điều chỉnh bằng hình phạt tù.

Hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu nói chung và giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối nói riêng không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự đối với các bên từ thời điểm xác lập. Giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch vô hiệu là buộc các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, trong trường hợp các bên không trả cho nhau bằng hiện vật thì hoàn trả cho nhau bằng tiền, bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường do pháp luật quy định hoặc các bên có thỏa thuận trước về hậu quả. Hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối chỉ phát sinh khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc trên cơ sở một quyết định, bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Chương 2

GIAO DỊCH DÂN SỰ VÔ HIỆU DO LỪA DỐI THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG

2.1. Thực trạng giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối theo các quy định của pháp luật Việt Nam

Mục này tác giả phân tích làm rõ các quy định pháp luật về giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối. Tác giả tập trung làm rõ các điều kiện dẫn đến giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối gồm:

Điều kiện khách quan: Có hành vi cố ý của một bên hoặc của người thứ ba tác động đến chủ thể giao dịch dân sự với động cơ vụ lợi: Cố ý đưa ra thông tin sai sự thật, im lặng bỏ qua sự thật.

Điều kiện chủ quan: Người bị lừa dối phải tin vào sự sai lệch do người lừa dối đưa ra mà xác lập giao dịch.

Pháp luật Việt Nam hiện hành chỉ coi những hành vi cố ý của một bên mà không thừa nhận sự im lặng hoặc không thông tin khi có nghĩa vụ thông tin đến người cùng giao kết hợp đồng là lừa dối. Tác giả phân tích, làm rõ và có sự so sánh với pháp luật các nước trên thế giới về vấn đề trên.

Tác giả cũng đã làm rõ những quy định liên quan đến lập di chúc. Lập di chúc là giao dịch dân sự, là hành vi pháp lý đơn phương của người lập di chúc.. Trong việc lập di chúc, người lừa dối làm cho người lập di chúc hiểu sai lệch về những người thừa kế, dẫn đến quyết định phân chia di sản theo ý muốn của người lừa dối. Mọi hành vi lừa dối người lập di chúc đều bị coi là trái pháp luật và vô hiệu.

2.2. Hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối

Qua nghiên cứu thực tế, chúng ta có thể thấy giải quyết hậu quả giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối còn nhiều bất cập:

+ *Việc các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, không hoàn trả được bằng hiện vật thì phải hoàn trả bằng tiền*

Việc các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu không phải trong trường hợp nào cũng thực hiện được bởi trong một số trường hợp đối tượng của hợp đồng là tài sản

không còn giữ được tình trạng như ban đầu hay đối tượng của hợp đồng là công việc (dịch vụ) đã được thực hiện... Do vậy, quy định các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận thật sự không đơn giản.

Thực tiễn xét xử tại Tòa án cũng cho thấy việc hoàn trả cho nhau những gì đã nhận chưa thực sự đảm bảo được lợi ích của các chủ thể trong giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Khoản tiền phải hoàn trả do không hoàn trả được tài sản bằng hiện vật chưa quy định rõ, khó áp dụng.

Trong khoa học pháp lý và trong thực tiễn xét xử, vấn đề quay lại tình trạng ban đầu còn có nhiều quan điểm khác nhau, chủ yếu tập trung vào một số nội dung cơ bản: *Thứ nhất*, thế nào là quay lại tình trạng ban đầu, có phải quay lại tình trạng ban đầu là trả nguyên cho nhau những gì đã nhận hay không? *Thứ hai*, khi tài sản đưa vào giao dịch hoặc giá trị tiền bị trượt giá thì giải quyết hậu quả ra sao? Vấn đề là có xác định lỗi khi các bên tham gia giao kết hay không, nếu xác định lỗi thì xác định như thế nào? Để giải quyết vấn đề này cần phải căn cứ vào các quy định của pháp luật về sở hữu, về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và các quy định khác của pháp luật.

+ Bên có lỗi phải bồi thường thiệt hại

BLDS 2005 đã quy định vấn đề bồi thường thiệt hại khi hợp đồng dân sự vô hiệu tương tự như BLDS 1995. Vấn đề xác định lỗi trong thực tế là việc rất khó, gây nhiều tranh cãi và không thuyết phục được các bên tranh chấp hợp đồng. Đặc biệt là trường hợp hợp đồng vô hiệu do bên bán không có lỗi khi tại thời điểm giao kết hợp đồng không biết hoặc không thể biết đối tượng hợp đồng không thực hiện được do quyết định của cơ quan nhà nước.

+ Tài sản giao dịch, hoa lợi lợi tức bị tịch thu trong trường hợp pháp luật có quy định khác.

BLDS lại chưa quy định rõ, thời điểm tài sản giao dịch, hoa lợi, lợi tức thu được bị tịch thu là trước hay sau khi giao dịch bị tuyên bố vô hiệu. Việc xác định rõ thời điểm tài sản giao dịch, hoa lợi, lợi tức thu được bị tịch thu là trước hay sau khi giao dịch bị tuyên bố vô hiệu sẽ là rất cần thiết, bởi lẽ nó sẽ là một trong các căn cứ xác định chủ thể chịu trách nhiệm. Tuy nhiên, quy định này còn mang tính chung chung,

chưa được hướng dẫn cụ thể do đó khó áp dụng trong thực tế. Cho đến nay chưa có văn bản pháp luật nào quy định phải tịch thu tài sản giao dịch, hoa lợi, lợi tức.

Di chúc không hợp pháp có thể được coi là vô hiệu toàn bộ hoặc vô hiệu một phần. Di chúc sẽ được coi là vô hiệu toàn bộ nếu di chúc đó do người lập di chúc bị lừa dối. Hậu quả của di chúc vô hiệu do lừa dối là toàn bộ di sản mà người lập di chúc để lại được chia cho người thừa kế theo pháp luật, không được tịch thu sung công quỹ. Điều đó làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của những người hưởng di sản thừa kế.

2.3. Thời hiệu yêu cầu tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối

Tác giả phân tích quy định tại Điều 136 BLDS 2005 về quy định thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu. Như vậy, theo quy định này thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự xác lập do lừa dối vô hiệu là hai năm. Việc xác định thời hiệu khởi kiện bắt đầu được tính từ ngày giao dịch dân sự đó được xác lập là chưa phản ánh đúng thực tiễn khách quan và không đảm bảo được quyền khởi kiện chính đáng của người xâm hại.

2.4. Vấn đề bảo vệ quyền lợi của người thứ ba ngay tình khi giao dịch dân sự do lừa dối bị tuyên bố là vô hiệu

2.4.1. Nhận thức chung về người thứ ba ngay tình khi giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối

Mục này tác giả tập trung làm rõ quy định về người thứ ba ngay tình khi tham gia giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối. Người thứ ba tham gia giao dịch dân sự ngay tình là khi tham gia giao dịch trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và tuân theo các quy định của pháp luật mà không biết đối tượng giao dịch là tài sản bất minh, do chủ sở hữu được xác lập trước đó bởi một giao dịch vô hiệu. Đây có thể nói là yếu tố quan trọng nhất để xác định người tham gia giao dịch hoàn toàn ngay tình.

2.4.2. Điều kiện để xác định người thứ ba ngay tình khi giao dịch dân sự vô hiệu

Mục này tác giả đưa ra các điều kiện để xác định người thứ ba ngay tình .

2.4.3. Giải quyết hậu quả pháp lý giao dịch vô hiệu do lừa dối, khi có người thứ ba ngay tình cần được bảo vệ

Mục này tác giả tập trung làm rõ các yếu tố khi giải quyết hậu quả pháp lý giao dịch dân sự vô hiệu do lừa mà có người thứ ba tham gia giao dịch cần được bảo vệ, đó là: xem xét tính có hiệu lực của giao dịch dân sự do người thứ ba xác lập; đánh giá khả năng nhận thức hành vi, tính có lỗi hay không có lỗi của các bên tham gia giao dịch và người thứ ba phải có nghĩa vụ chứng minh khi tham gia giao dịch họ hoàn toàn ngay tình; xem xét và đánh giá tài sản hiện có.

2.5. Thực tiễn áp dụng pháp luật đối với hợp đồng dân sự vô hiệu do lừa dối tại TAND

Qua việc nghiên cứu thực tiễn xét xử tại Tòa án, tác giả nhận thấy còn nhiều vướng mắc. Thực tiễn cho thấy giao dịch dân sự do lừa dối chiếm số lượng án rất ít trong tổng số án về giao dịch dân sự được đưa ra giải quyết ở Tòa án. Khi các bên tham gia giao dịch dân sự thông thường không nắm được những quy định pháp luật mà chủ yếu giao dịch dưới dạng tự phát, dẫn đến nhiều giao kết vô hiệu ngay tại thời điểm ký kết mà các bên vẫn không biết, vẫn thực hiện khi tranh chấp mới có yêu cầu hủy, hay khi giải quyết sự việc đã rồi các thẩm phán thường lúng túng, cân nhắc có nên hủy hay không, nếu hủy giao dịch dân sự vô hiệu thì phù hợp với pháp luật nhưng không phù hợp với thực tiễn và ngược lại. Mặt khác diễn biến của giao dịch dân sự vô hiệu phức tạp, trong khi đó đường lối giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu lại không nhất quán giữa các thành viên trong hội đồng xét xử, không mang lại công bằng cho các bên đương sự, chính vì lẽ đó nhiều khi đường sự đã lợi dụng sơ hở của pháp luật đã thất hứa, yêu cầu hủy giao dịch dân sự nhằm chuộc lợi cho mình.

Số lượng án ít nhưng đa phần lại rất phức tạp, chủ yếu liên quan đến các giao dịch về đất đai, nhà ở hay tài sản có giá trị. Nên Tòa án trong quá trình giải quyết các vụ án, còn gặp rất nhiều khó khăn do trình độ hiểu biết pháp luật của Thẩm phán còn hạn chế, do quy định của pháp luật không rõ ràng, và do các bên chủ thể không khai rõ sự thật.

Chương 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIAO DỊCH DÂN SỰ VÔ HIỆU DO LỪA DỐI

3.1. Yêu cầu xây dựng và hoàn thiện pháp luật giao dịch dân sự vô hiệu nói chung và giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối nói riêng là một tất yếu khách quan, sự đòi hỏi của thực tiễn

Mục này tác giả phân tích sự cần thiết phải hoàn thiện các quy định pháp luật dân sự về giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối. Theo đó, tác giả khẳng định vai trò quan trọng của BLDS 2005 trong việc điều chỉnh giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối, đồng thời đưa ra một số hạn chế trong quy định về giao dịch dân sự vô hiệu nói chung và giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối nói riêng

Do vậy, trong bối cảnh mới, BLDS nói chung và chế định giao dịch dân sự nói riêng phải phù hợp với sự phát triển của kinh tế - xã hội đất nước, việc hành thành đồng bộ các loại thị trường trong nền kinh tế và tham gia sâu rộng vào quan hệ thương mại với nhiều nước và tổ chức trên thế giới. Điều đó đòi hỏi phải có sự sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về giao dịch dân sự vô hiệu và giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối trong BLDS 2005.

3.2. Những kiến nghị và giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối

Mục này tác giả đưa ra những kiến nghị sửa đổi, bổ sung những hạn chế đó như sau:

+ *Sửa đổi Điều 127 BLDS*

Điều 127 BLDS 2005 qui định: “Giao dịch dân sự không có một trong các điều kiện được quy định tại Điều 122 của Bộ luật này thì vô hiệu”. Theo ngôn từ của Điều 127 BLDS và các điều khoản tiếp sau cũng như Điều 410 BLDS chúng ta có thể hiểu các điều kiện được quy định tại Điều 122 BLDS chính là những điều kiện cần và đủ để giao dịch dân sự có hiệu lực. Nói cách khác chỉ khi một giao dịch dân sự vi phạm một trong các điều kiện trên thì mới có thể bị coi là vô hiệu ngoài ra không còn bất cứ trường hợp vô hiệu nào khác. Tuy nhiên, Điều 411 BLDS lại qui định trường hợp hợp đồng dân sự vô hiệu do có đối tượng không thể thực hiện được. Như vậy cho thấy sự

thiếu bao trùm của Điều 127 BLDS hay sự thiếu thống nhất trong qui định về hợp đồng dân sự vô hiệu. Để tránh nhược điểm này theo chúng tôi Điều 127 cần được sửa lại theo hướng mềm dẻo hơn và bao quát hơn đó là thay cụm từ mang tính dân dã “không có” bằng cụm từ mang tính pháp lý “vi phạm” tại Điều 127 BLDS. Cụ thể là: “Giao dịch dân sự vi phạm một trong các điều kiện được quy định tại Điều 122 của Bộ luật này thì vô hiệu”.

+ Sửa đổi Điều 132 BLDS về hợp đồng vô hiệu do lừa dối

BLDS 2005 chưa quy định đầy đủ phạm vi hành vi được xem là lừa dối. Pháp luật Việt Nam hiện hành chỉ coi những hành vi cố ý của một bên mà không thừa nhận sự im lặng hoặc không thông tin khi có nghĩa vụ thông tin đến người cùng giao kết hợp đồng là lừa dối. Bên cạnh đó pháp luật cũng không thừa nhận sự lừa dối gián tiếp thông qua người thứ ba là yếu tố làm cho hợp đồng có thể vô hiệu. Chúng ta nên bổ sung sự biểu hiện của lừa dối không chỉ ở hành vi, lời nói mà thừa nhận cả trường hợp một bên không cung cấp thông tin hoặc im lặng khi xét một cách hợp lý là họ phải có nghĩa vụ thông báo.

+ Sửa đổi Điều 136 BLDS về thời hiệu khởi kiện hợp đồng vô hiệu

Quy định này có điểm bất cập cần xem xét. Thời hiệu yêu cầu tuyên bố giao dịch đối với trường hợp lừa dối là chưa hợp lý khi xác định từ thời điểm xác lập giao dịch. Vì vậy theo quan điểm cá nhân, Điều 136 BLDS 2005 cần phải được sửa đổi theo hướng: nên có sự phân biệt giữa thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu do nhầm lẫn với thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu do bị lừa dối và không nên lấy mốc là thời điểm xác lập hợp đồng mà lấy mốc là thời điểm bên bị lừa dối biết được hay buộc phải biết được mình bị lừa dối để tính thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Vì vậy theo chúng tôi, Điều 136 khoản 1 nên được sửa là: “Thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu được quy định tại các điều từ Điều 130 đến Điều 134 của Bộ luật này là hai năm, kể từ thời điểm: a. Người đại diện biết về giao dịch đó đối với trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện. b. Người bị nhầm lẫn, lừa dối biết được sự nhầm lẫn hoặc lừa dối đối với trường hợp hợp đồng vô hiệu do bị nhầm lẫn hoặc lừa

dối. c. Sự đe dọa chấm dứt đối với trường hợp hợp đồng vô hiệu do bị đe dọa. d. Người xác lập, thực hiện giao dịch dân sự nhận thức bình thường đối với trường hợp hợp đồng vô hiệu do người xác lập không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình. e. Kể từ thời điểm xác lập giao dịch dân sự đối với giao dịch dân sự vi phạm điều kiện về hình thức của giao dịch”.

+ *Sửa đổi Điều 137 BLDS về hậu quả pháp lý của hợp đồng dân sự vô hiệu*

Quy định mang tính nguyên tắc của Điều 137 BLDS về mặt ngôn từ là rõ ràng nhưng việc các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu” không phải trong trường hợp nào cũng có thể thực hiện được bởi đối tượng của hợp đồng là tài sản không còn giữ được tình trạng như ban đầu hay đối tượng của hợp đồng là công việc (dịch vụ) đã được thực hiện...nên việc qui định “các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận” không phải là đơn giản.

Quy định này chưa xác định việc hoàn trả bằng tiền theo giá trị của vật tại thời điểm giao kết hay thời điểm hoàn trả. Quy định này cũng chưa tính đến trường hợp có hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản đã giao thì ai sẽ là người nhận phần phát sinh đó. Đây là trường hợp khá phức tạp vì có những trường hợp hoa lợi, lợi tức phát sinh một cách tự nhiên nhưng có trường hợp lại là do công sức của người nhận chuyên giao tài sản, nếu BLDS không quy định về trường hợp này thì sẽ không đủ cơ sở để giải quyết tranh chấp giữa các bên.

Đối với những tài sản là nhà, đất không còn nguyên giá trị ban đầu thì giải quyết như thế nào và cần áp dụng khung giá nào khi giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Thực tế có sự chênh lệch giá quá cao giữa giá nhà đất do UBND cấp tỉnh quy định với giá thị trường tại thời điểm xét xử.

Bên cạnh đó, không phải giao dịch lúc nào cũng vô hiệu tuyệt đối bởi có những trường hợp giao dịch rơi vào trường hợp vô hiệu nhưng các bên đã thực hiện một phần hoặc toàn bộ giao dịch và lợi ích của việc công nhận giao dịch lớn hơn lợi ích của việc hủy giao dịch thì cần công nhận giao dịch đó và việc vi phạm của các bên có thể xử lý bằng các biện pháp pháp lý khác

Trong trường hợp này nếu áp dụng “nếu không hoàn trả được bằng hiện vật thì phải hoàn trả bằng tiền” thì quả thật qui định về việc không công nhận quyền và nghĩa vụ của các bên không có ý nghĩa.

BLDS chưa có điều khoản nào bảo vệ quyền và lợi ích của người đã tham gia xác lập, thực hiện giao dịch dân sự với người bị lừa dối nhưng không biết và không buộc phải biết người tham gia xác lập, thực hiện giao dịch với mình là bị đe dọa, lừa dối. Quyền lợi của người này có thể được bảo vệ bởi qui định tại Điều 137 BLDS: “Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường” nhưng cụm từ “Bên có lỗi” có thể gây ra sự hiểu nhầm là việc bồi thường thiệt hại chỉ do một trong các bên xác lập, thực hiện hợp đồng phải gánh chịu bởi người thứ ba không phải là một bên trong hợp đồng.

Theo chúng tôi Điều 137 khoản 2 BLDS đoạn cuối nên được sửa là: “Người có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường”.

KẾT LUẬN

Vấn đề giao dịch dân sự vô hiệu nói chung và giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối nói riêng là một vấn đề phức tạp đang được giới chuyên môn quan tâm, một vấn đề có ý nghĩa lớn về mặt lý luận cũng như thực tiễn. Giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối được quy định trong BLDS 2005 có ý nghĩa rất quan trọng, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của các chủ thể, lợi ích chung của xã hội, của Nhà nước.

Tuy nhiên, trong thực tế, các quy định về vấn đề này đã bộc lộ những bất cập, đó là: có quy định còn chung chung, chưa bao quát, các quy định có phần cứng nhắc, có chỗ còn thiếu không theo kịp sự phát triển của cuộc sống. Cụ thể là:

+ Trong quy định cụ thể về giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối vẫn có những nội dung chưa thật sự hợp lý, chưa phù hợp với thực tiễn cuộc sống, chưa rõ ràng.

+ Đường lối giải quyết hậu quả giao dịch dân sự vô hiệu còn cứng nhắc, chưa đảm bảo sự công bằng cho các đương sự. Do vậy, việc áp dụng pháp luật gặp rất nhiều khó khăn, thiếu chính xác.

+ Các quy định về thời hiệu khởi kiện yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên chủ thể.

Với thực trạng đó, các quy định về giao dịch dân sự vô hiệu nói chung và giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối nói riêng cần phải được hoàn thiện để những quy định này mang tính khả thi hơn, phù hợp với thực tế và quan trọng hơn là tạo điều kiện để giao dịch dân sự phát huy hết vai trò của mình trong nền kinh tế thị trường.

Với mong muốn được góp phần hoàn thiện các quy định về giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối, trong chương 3 của luận văn này, tác giả đã đưa ra một số phương hướng, kiến nghị cụ thể nhằm hoàn thiện vấn đề này từ góc độ xây dựng pháp luật và việc áp dụng pháp luật của các thẩm phán.

Việc hoàn thiện này cần được thực hiện theo hướng đảm bảo tính khoa học, tính thống nhất của các quy định pháp luật. Đồng thời phải phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay và xu hướng chung của thế giới. Cùng với công tác hoàn thiện pháp luật cần thực hiện tốt việc hướng dẫn áp dụng pháp luật cũng như tăng cường trình độ chuyên môn nghiệp vụ của các cán bộ làm công tác pháp luật./.